TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 621/2020/HNGĐ-ST Ngày: 30/7/2020 V/v : Tranh chấp ly hôn giữa chị P và anh V	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyền – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Mai P; Sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Số 10/2 đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D;

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Vương Quốc V; Sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Số E11.13 chung cư E, khu dân cư F, Phường G, Quận M, Thành phố K;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2020 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trương Thị Mai P trình bày:

Chị P và anh Hoàng Vương Quốc V chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C, tỉnh D, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 122, quyển số 01/2010. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa chị P và anh V bất đồng quan điểm sống, đặc

biệt là mâu thuẫn về cách chăm sóc, nuôi dạy con dẫn đến giữa vợ chồng thường xuyên gây tranh cãi. Mặc dù cả hai đã nhiều lần tự hoà giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Do đó, chị P nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh V.

Về con chung: Có một người con chung tên Hoàng Nhật N, sinh ngày 25/11/2011.

Chị P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P tự xác định giữa chị P và anh V không có tài sản chung và không nợ gì của ai.

Bị đơn anh Hoàng Vương Quốc V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Mặc dù anh V có đến Toà án nhận văn bản tống đạt nhưng không đồng ý thể hiện ý kiến, yêu cầu về việc giải quyết vụ án đồng thời anh V vắng mặt tại các phiên hoà giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Mai P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Hoàng Vương Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn – chị Trương Thị Mai P và bị đơn – anh Hoàng Vương Quốc V đều có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của chị Trương Thị Mai P thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là anh Hoàng Vương Quốc V tại thời điểm thụ lý vụ án có nơi cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Chị Trương Thị Mai P và anh Hoàng Vương Quốc V chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C, tỉnh D, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 122, quyển số 01/2010, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị P, chị P trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa chị P và anh V bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về cách chăm sóc nuôi dạy con dẫn đến thường xuyên gây tranh cãi. Dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị P yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị P là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy anh V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh V dù có đến Toà án nhận các văn bản tống đạt của Toà án nhưng không đồng ý thể hiện ý kiến, vắng mặt tại các buổi hoà giải và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện anh V không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh V không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có một con chung tên: Hoàng Nhật N, sinh ngày 25/11/2011

Chị P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Nhật N sau khi ly hôn vì hiện nay con chung đang sinh sống ổn định với chị P. Chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 24/6/2020, cháu Nhật N có đến Toà án thể hiện ý kiến thích sống chung với cả cha và mẹ.

Xét yêu cầu của chị P, ý kiến của cháu Nhật N là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi của con nên chấp nhận yêu cầu của chị P, giao con chung Nhật N cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, ghi nhận việc chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P tự khai giữa chị P và anh V không có tài sản chung và không nợ gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của anh V về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Mai P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Mai P được ly hôn với anh Hoàng Vương Quốc V.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có một con chung tên Hoàng Nhật N, sinh ngày 25/11/2011.

Giao con chung Hoàng Nhật N cho chị Trương Thị Mai P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị P không yêu cầu anh Hoàng Vương Quốc V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Trương Thị Mai P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012968 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Chị P, anh V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.